

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: 05/2024/DS-ST
Ngày 12-3-2024
Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Việt Tím

2. Ông Phạm Văn Động

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đức Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-DS ngày 23/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 21/02/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Đức T** - sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Phan Thanh T** - sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Kinh 5B, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:**

Vào ngày 11/01/2022 anh Phan Thanh T có vay của anh Nguyễn Đức T số tiền là 610.000.000đ (Sáu trăm mười triệu đồng), với lãi suất là 1%, thời hạn trả là 3 tháng, đến thời hạn thanh toán nhưng anh Thanh T không trả nợ gốc và lãi cho anh Đức T, khi anh Đức T gọi điện trao đổi thì anh Thanh T hứa bán đất trả, nhưng hiện nay theo anh Đức T biết thì anh Thanh T đã bán đất chưa làm giấy tờ chuyển nhượng.

Số nợ 610.000.000 đồng mà anh Đức T cho anh Thanh T vay là số tiền gốc,

không có tiền lãi, từ khi vay đến nay anh Thanh T chưa trả cho anh Đức T đồng lãi nào.

Tại phiên toà anh Đức T yêu cầu: anh Đức T yêu cầu Tòa án xử buộc anh Phan Thanh T trả cho anh Đức T số tiền vay gốc là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng), và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 11/01/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Anh Đức T yêu cầu Tòa án xử buộc cá nhân anh Thanh T trả nợ, vợ anh Thanh T không liên quan đến, anh Đức T không có ý kiến gì thêm.

*** Bị đơn anh Phan Thanh T trình bày:**

Trước đây ngày 11/01/2022 anh Thanh T có vay của anh Đức T số tiền 610.000.000đồng, biên nhận là do anh Thanh T viết và ký tên, từ khi viết biên nhận thì anh Thanh T chưa trả tiền gốc và lãi cho anh Đức T. Trong số tiền 610.000.000 đồng thì tiền gốc là 500.000.000đồng, còn lại là 110.000.000đồng tiền lãi, trong biên nhận chỉ ghi là có mượn của anh Đức T số tiền 610.000.000đồng, anh Thanh T không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày trên của mình. Việc anh Thanh T vay tiền của anh Đức T là do cá nhân anh Thanh T vay cho người khác vay lại, vợ anh Thanh T là Nguyễn Thị Tuyền, sinh năm 1973 không biết việc anh Thanh T vay tiền của anh Đức T.

Anh Thanh T có nhà trọ ở Tắc Cậu, giấy tờ nhà đất hiện đang thế chấp tại Ngân hàng Sacombank Giồng Riềng với số tiền 1.100.000.000 đồng, anh Thanh T muốn bán với giá 2.300.000.000 đồng, anh Thanh T sẽ trả cho anh Đức T số tiền 500.000.000đ, còn lại 110.000.000 đồng anh Thanh T xin trả dần, mỗi tháng trả 5.000.000đ cho đến khi trả hết nợ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Hai bên đều xác nhận anh Nguyễn Đức T và anh Phan Thanh T tự nguyện giao kết hợp đồng vay tiền ngày 11/01/2022, anh Thanh T vay của anh Đức T số tiền 610.000.000 đồng, anh Đức T khởi kiện yêu cầu anh Thanh T trả tiền vay 610.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 11/01/2022 cho đến ngày xét xử.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đức T. Buộc bị đơn anh Phan Thanh T trả cho anh Nguyễn Đức T tiền vay vốn gốc 610.000.000đ, lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc 610.000.000đ, tính từ ngày 11/01/2022 đến ngày xét

xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Phan Thanh T có địa chỉ tại huyện T, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy nguyên đơn anh Nguyễn Đức T khởi kiện yêu cầu anh Phan Thanh T phải thanh toán số tiền vay gốc là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng), đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đức T yêu cầu Tòa án xử buộc bị đơn anh Phan Thanh T phải trả số tiền vay gốc là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng) là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Thanh T thừa nhận còn nợ anh Nguyễn Đức T số tiền vay 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng), anh Thanh T cho rằng trong số tiền 610.000.000 đồng, tiền gốc là 500.000.000 đồng, còn lại 110.000.000 đồng tiền lãi, nhưng anh Thanh T không có chứng cứ gì chứng minh cho việc trình bày trên, anh Đức T khẳng định số tiền 610.000.000 đồng anh Thanh T vay là tiền gốc. Tại phiên Tòa án anh Thanh T xác nhận còn nợ anh Đức T số tiền vay 610.000.000 đồng; đây là tình tiết, sự kiện có thật không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463; 466 của Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, anh Phan Thanh T đã nhận tài sản vay thì phải có nghĩa vụ trả tiền cho bên cho vay khi đến hạn. Do đó, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Phan Thanh T thanh toán số tiền còn thiếu cho nguyên đơn là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng), về tiền lãi do hai bên có tranh chấp phía anh Đức T cho rằng lãi suất 1%/tháng nhưng anh Thanh T cho rằng 3%/tháng, do trong biên nhận không có ghi lãi suất, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm. Số tiền gốc 610.000.000đ, tính lãi từ ngày 11/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/3/2024 là 26 tháng 01 ngày (anh Đức T đồng ý tính tròn là 26 tháng), được tính như sau: $610.000.000đ \times 0,83\% \times 26 \text{ tháng} = 131.638.000đ$ (Một trăm ba mươi một triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 741.638.000đ (Bảy trăm bốn mươi một triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Đối với yêu cầu của anh Phan Thanh T trình bày anh Thanh T có nhà trọ ở

Tắc Cậy, giấy tờ nhà đất hiện đang thế chấp tại Ngân hàng Sacombank Giồng Riềng với số tiền 1.100.000.000 đồng, anh Thanh T muốn bán với giá 2.300.000.000 đồng, anh Thanh T sẽ trả cho anh Đức T số tiền 500.000.000đ, còn lại 110.000.000 đồng anh Thanh T xin trả dần, mỗi tháng trả 5.000.000đ cho đến khi trả hết nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu trả dần của anh Thanh T nên Tòa án không có cơ sở để ghi nhận và yêu cầu này cũng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2024 và tại phiên tòa anh Nguyễn Đức T chỉ yêu cầu cá nhân anh Thanh T trả nợ cho anh Đức T, và anh Thanh T thừa nhận việc anh Thanh T vay nợ của anh Đức T là do cá nhân anh Thanh T vay cho người khác vay lại, vợ anh Thanh T không biết. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Thanh T vay tiền không nhằm mục đích phục vụ gia đình và vợ anh Thanh T không biết, nên Hội đồng xét xử nhận thấy không xử buộc vợ anh Thanh T là chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cùng trả nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh Phan Thanh T phải chịu án phí trên số tiền trả cho anh Đức T được tính như sau: 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng = 33.665.520 đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi đồng).

Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Đức T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.200.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000533 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang, do yêu cầu khởi kiện của anh Đức T được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đức T

về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn anh Phan Thanh T .

2. Buộc anh Phan Thanh T phải trả cho anh Nguyễn Đức T số tiền vay vốn gốc và lãi là 741.638.000đ (Bảy trăm bốn mươi một triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng), và tiền lãi là 131.638.000đ (Một trăm ba mươi một triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc anh Phan Thanh T phải nộp án phí có giá ngạch là: 33.665.520 đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi đồng).

- Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Đức T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.200.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000533 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến